TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10/4/2026
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.

***- Thư ký phiên tòa**:* Ông Nguyễn Thái Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa**:* Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2025/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 19xx. (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B C, tổ dân phố A, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 19xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: B C, tổ dân phố A, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà Lê Thị D và ông Huỳnh Thanh P kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã Q, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 04/01/2001. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, yêu thương, nhường nhịn nhau nhưng chỉ được thời gian ngắn. Thời gian về sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà D và ông P có 02 con chung là anh Huỳnh Thanh P1, sinh ngày 28/9/2001 và anh Huỳnh Lê Phương H, sinh ngày 30/11/2006, từ khi sinh ra các con chung của ông bà đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Huỳnh Thanh P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông P được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết Ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Thanh P cư trú tại B

C, tổ dân phố A, xã Q, tỉnh Đắk Lắk là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Huỳnh Thanh P kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông P.

Qua xác minh được chính quyền địa phương cung cấp về tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông P như sau: Do bà D không có đơn trình báo sự việc nên chính quyền địa phương không nắm được tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông P.

Thực tế, đời sống chung giữa bà D và ông P không còn tồn tại, bà D không còn tình cảm với ông P, mục đích hôn nhân giữa bà D và ông P không còn đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Lê Thị D và ông Huỳnh Thanh P có 02 con chung là anh Huỳnh Thanh P1, sinh ngày 28/9/2001 và anh Huỳnh Lê Phương H, sinh ngày 30/11/2006, từ khi sinh ra các con chung của ông bà đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

2. Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà D đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004156 ngày 07/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- UBND xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Nở